ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56/2017/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 28 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ và tổ chức hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định về quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 766/TTr-NHCSBĐ ngày 19/9/2017, của Sở Tài chính tại Công văn số 1709/STC-TCHCSN ngày 20/6/2017 và của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 167/BC-STP ngày 28/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã

hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Định chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Quy chế kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/10/2017 và thay thế Quyết định số 65/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH).

2. Đối tượng áp dụng Quy chế này là các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, cụ thể: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là cấp huyện), Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện và hộ vay vốn là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ và quy định của UBND tỉnh đối với từng chương trình tín dụng cụ thể (gọi tắt là hộ vay).

Điều 2. Mục đích cho vay

NHCSXH cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, nhằm giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, thoát nghèo nhanh và bền vững, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo và việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020 và các năm tiếp theo.

Điều 3. Nguồn vốn cho vay và tổ chức chuyển vốn

1. Nguồn vốn cho vay:

a. Hàng năm, UBND tỉnh, UBND cấp huyện căn cứ vào khả năng ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương, bố trí một phần kinh phí trong dự toán chi ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định và chuyển sang NHCSXH để thực hiện cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

b. Hàng năm hoặc đột xuất, khi UBND tỉnh, UBND cấp huyện chuyển nguồn vốn ngân sách sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, phòng, ban liên quan tham mưu Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện phân, giao chỉ tiêu kế hoạch cụ thể từng chương trình tín dụng để triển khai cho vay.

c. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

d. Số dư nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Định.

e. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

2. Tổ chức chuyển vốn:

Hàng năm, căn cứ nguồn vốn đã được bố trí trong dự toán chi ngân sách địa phương, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thực hiện chuyển vốn sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện để trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện xem xét, quyết định phân bổ vốn cho UBND cấp huyện, UBND xã, phường, thị trấn.

3. Cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh, UBND cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện:

a. Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh).

b. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ chế cho vay

1. Đối tượng cho vay: Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Riêng đối với cho vay người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng thì ngoài đối tượng theo quy định của Nhà nước, ngân sách địa phương cho vay thêm đối tượng là người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bình Định có nhu cầu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và đi du học điều dưỡng tại Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức qua các đơn vị có chức năng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

2. Mục đích sử dụng vốn vay: Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương để quy định.

3. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam đối với từng chương trình.

* Riêng đối với đối tượng là người lao động có nhu cầu vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng thì.

a. Mức cho vay cụ thể như sau:

- Đối với các đối tượng thuộc chính sách của Nhà nước: Người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người dân tộc thiểu số; người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp; thân nhân người có công cách mạng thì ngoài mức vay tín chấp theo quy định. Ngân sách địa phương sẽ cho vay tín chấp bổ sung đủ 100% chi phí hợp pháp ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Đối với đối tượng là Bộ đội xuất ngũ, Công an hoàn thành nghĩa vụ xuất ngũ: Ngân sách địa phương cho vay tín chấp tối đa là 100% chi phí hợp pháp ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Các đối tượng còn lại: Ngân sách địa phương cho vay tín chấp tối đa không quá 80% chi phí hợp pháp ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

b. Phương thức cho vay: Thực hiện cho vay theo phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và Vay vốn theo quy định hiện hành của NHCSXH.

4. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn:

a. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

b. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

* Đối với cho vay từ quỹ việc làm cho người khuyết tật thực hiện cho vay theo quy định hiện hành của Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan và của NHCSXH Việt Nam về cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho người khuyết tật.

Điều 5. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ nhận ủy thác

Việc hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của NHCSXH.

Điều 6. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác

Định kỳ hàng tháng, căn cứ vào số lãi cho vay thu được, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có trách nhiệm tính toán phân bổ như sau:

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c. Trích 15% số tiền lãi thu đượcchi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, các sở, ngành và cơ quan liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Trong đó:

+ Trích 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH.

+ Trích 2,5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của cơ quan Tài chính.

+ Trích 1,5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Trích 1% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của cơ quan Kế hoạch và Đầu tư.

- Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng trên do Chủ tịch UBND tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể:

+ Đối với chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành về quy chế quản lý tài chính của NHCSXH.

+ Đối với chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của cơ quan Tài chính, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc phân phối tiền lãi thu được cho các đơn vị có liên quan (cấp tỉnh hoặc cấp huyện) trong công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH được xác định tương ứng với nguồn vốn ngân sách tỉnh hoặc nguồn vốn ngân sách cấp huyện chuyển qua cho vay tại NHCSXH.

d. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Trường hợp khoản lãi thu được không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan thì UBND các cấp xem xét, quyết định cấp hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 7. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Chỉ xử lý đối với các trường hợp hộ vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân vay vốn tại NHCSXH thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đối với các trường hợp rủi ro không có khả năng thu hồi nhưng hộ vay không đủ điều kiện xử lý nợ theo quy định hiện hành thì Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, UBND cấp huyện xem xét chỉ đạo.

2. Nguyên tắc xử lý nợ, biện pháp xử lý nợ, thời điểm xem xét xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH Việt Nam. Các trường hợp phải xử lý rủi ro ngoài các cơ chế này, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Về thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro:

a. Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho tất cả các trường hợp đủ điều kiện xóa nợ theo đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính đối với nguồn ngân sách tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho tất cả các trường hợp đủ điều kiện xóa nợ theo đề nghị của

Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

b. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tổ chức kiểm tra hồ sơ đề nghị xóa nợ cho hộ vay, báo cáo các cấp có thẩm quyền quyết định xóa nợ.

c. Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện: Quyết định cho khoanh nợ đối với tất cả các hộ vay vốn từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện bị thiệt hại đủ điều kiện khoanh nợ theo đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện.

d. Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện:

- Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện:

+ Quyết định gia hạn nợ đối với hộ vay vốn trên địa bàn cấp huyện.

+ Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị khoanh nợ, xóa nợ gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xử lý theo Quy chế này.

+ Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách cấp huyện đối với các khoản nợ đề nghị khoanh nợ, xóa nợ, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định xử lý theo Quy chế này.

- Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh:

+ Quyết định gia hạn nợ đối với hộ vay vốn trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

+ Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách thành phố Quy Nhơn đối với các khoản nợ đề nghị khoanh nợ, xóa nợ, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định xử lý theo Quy chế này.

+ Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị xóa nợ từ cấp huyện, gửi Sở Tài chính để chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra và báo cáo đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

+ Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị khoanh nợ từ cấp huyện, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh xem xét, quyết định.

+ Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định tại Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

4. Về nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro:

a. Nguồn vốn để xóa nợ cho khách hàng được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích từ nguồn thu lãi cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện; Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

b. Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoanh nợ cho hộ vay được tính trong tổng nguồn vốn ủy thác hoạt động hàng năm của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm và quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo Quyết định số 406/2009/QĐ-UBND ngày 11/6/2009 và Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của UBND tỉnh được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 8. Chế độ báo cáo

Chế độ báo cáo đối với nguồn ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất thực hiện theo Điểm a và Điểm b, Khoản 9, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, UBND cấp huyện:

- Bổ sung nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện cho vay theo quy định, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

- Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc chi nhánh NHCSXH tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

- Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Quy chế này.

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 6 Quy chế này.

b. Hàng năm, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện phân bổ vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương cho UBND cấp huyện, UBND xã, phường, thị trấn.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện:

a. Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư, trình UBND tỉnh, UBND cấp huyện bổ sung nguồn vốn từ

ngân sách tỉnh, nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện cho vay theo quy định.

b. Thực hiện kiểm tra việc xác nhận hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn theo đúng quy định của từng chương trình tín dụng.

c. Hàng năm, phối hợp Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện phân bổ vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương cho UBND cấp huyện, UBND xã, phường, thị trấn.

d. Thực hiện quản lý, sử dụng khoản kinh phí trích từ lãi cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định của Bộ Tài chính.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a. Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh bổ sung nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay theo quy định.

b. Hàng năm, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và Chi nhánh NHCSXH tỉnh, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phân bổ vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương cho UBND cấp huyện.

c. Thực hiện quản lý, sử dụng khoản kinh phí trích từ lãi cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định của Bộ Tài chính.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

a. Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b. Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

5. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện:

a. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b. Hàng năm, chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp huyện phân bổ vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương cho UBND cấp huyện, UBND xã, phường, thị trấn.

c. Thực hiện phân phối lãi theo quy định của Quy chế này.

d. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

đ. Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e. Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn vốn ngân sách huyện chuyển qua NHCSXH trước ngày 10 của năm sau.

6. UBND cấp huyện:

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

7. UBND xã, phường, thị trấn:

a. Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b. Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c. Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

8. Trách nhiệm của người vay:

a. Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b. Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c. Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này áp dụng cho cả nguồn vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

2. Khi Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và NHCSXH Việt Nam có quy định mới khác với Quy chế này, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và NHCSXH Việt Nam.

4. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh để xem xét chỉ đạo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh